

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 306/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Căn hộ S, Lốc C, Chung cư H, TP ., tỉnh Bình Định.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ: D H, TP ., tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Minh T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Căn hộ S, Lốc C, Chung cư H, TP ., tỉnh Bình Định.

Chị Phạm Ngọc Ánh T2, sinh năm 1997; Địa chỉ: Căn hộ S, Lốc C, Chung cư H, TP ., tỉnh Bình Định.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế: Bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 thống nhất hàng thừa kế của ông Phạm Minh T3 gồm bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2.

2.2. Về tài sản chung và di sản thừa kế: Bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 thống nhất bà Võ Thị Mỹ L và ông Phạm Minh T3 có gửi tiết kiệm chung số tiền là 700.000.000 đồng theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 30924453 ngày 18/10/2023 (Số tài khoản tiền gửi tiết kiệm 222017259972) của Ngân hàng TMCP C.

Bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 thống nhất bà Võ Thị Mỹ L được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền tương đương là 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, còn lại $\frac{1}{2}$ số tiền tương đương là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh thuộc phần quyền sở hữu của ông Phạm Minh T3 theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 30924453 ngày 18/10/2023 (Số tài khoản tiền gửi tiết kiệm 222017259972) của Ngân hàng TMCP C.

Bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 thống nhất số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền này là di sản của ông Phạm Minh T3 để lại.

2.3. Về phân chia di sản thừa kế:

- Đối với số tiền tiết kiệm gốc: Bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 thống nhất thỏa thuận chia thừa kế theo pháp luật, mỗi người nhận $\frac{1}{4}$ số tiền 350.000.000 đồng (tương đương số tiền 87.500.000 đồng) là di sản thừa kế của ông Phạm Minh T3, cụ thể như sau:

+ Bà Võ Thị Mỹ L được nhận số tiền thuộc quyền sở hữu là 350.000.000 đồng; được nhận số tiền 87.500.000 đồng (tương đương $\frac{1}{4}$ của số tiền 350.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh T3). Tổng cộng bà L được nhận là 437.500.000 đồng.

+ Chị Phạm Thị Ngọc T được nhận số tiền 87.500.000 đồng (tương đương $\frac{1}{4}$ của số tiền 350.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh T3).

+ Anh Phạm Minh T1 được nhận số tiền 87.500.000 đồng (tương đương $\frac{1}{4}$ của số tiền 350.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh T3).

+ Chị Phạm Ngọc Ánh T2 được nhận số tiền 87.500.000 đồng (tương đương $\frac{1}{4}$ của số tiền 350.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Minh T3).

- Đối với khoản tiền lãi suất của thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 30924453 ngày 18/10/2023 (Số tài khoản tiền gửi tiết kiệm 222017259972) kể từ thời điểm gửi tiết kiệm ngày 18/10/2023 cho đến khi tắt toán thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 30924453 ngày 18/10/2023 của Ngân hàng TMCP C. Lãi suất được tính theo lãi suất từng thời kỳ theo quy định về lãi suất của Ngân hàng TMCP C, bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Phần lãi suất đối với số tiền 350.000.000 đồng thuộc phần quyền sở hữu của bà Võ Thị Mỹ L, bà L được nhận.

+ Phần lãi suất đối với số tiền 350.000.000 đồng thuộc phần quyền sở hữu của ông Phạm Minh T3 được giao toàn bộ cho bà Võ Thị Mỹ L được nhận.

Bà Võ Thị Mỹ L, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1, chị Phạm Ngọc Ánh T2 có quyền liên hệ Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B để rút số tiền trên.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L, chị T, anh T1, chị T2 thỏa thuận, chị Phạm Thị Ngọc T, anh Phạm Minh T1 và chị Phạm Ngọc Á Tuyết tự nguyện chịu

mỗi người 2.187.500 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Võ Thị Mỹ L không phải chịu án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng Diễm